

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-PT

Ngày: 24 - 4 -2023

V/v: Tranh chấp hợp

đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Ông Vũ Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 và ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2023/QĐ – PT ngày 16 tháng 02 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 24/2023/TB-TA ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Dạ T, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Khu phố X, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thảo: Bà Nguyễn Vũ Hà L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn P.T, xã T.P, thị xã L.G, tỉnh B.T. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 24/8/2022.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1973 và Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972. Cùng địa chỉ: Thôn Mũi Đá, xã T.P, thị xã L.G, tỉnh B.T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ, ông Ánh: Ông Phạm Viết D, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Khu phố 1, phường X.A, Tp. P.T, tỉnh B.T. Theo Giấy ủy quyền ngày 27/10/2022 của Văn phòng công chứng La Gi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn D thuộc Văn phòng luật sư Chuyên Chính, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Thị V – Bị đơn.

Tại phiên tòa có mặt bà Vũ, ông Dũng, luật sư Dũ. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà Phan Dạ T và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Vũ Hà L trình bày:

Ngày 06/12/2021, bà Phan Dạ T có cho vợ chồng ông Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Thị V vay số tiền: 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, kể từ ngày 06/12/2021 đến hết ngày 06/01/2022, lãi suất thỏa thuận 1,6%/tháng. Hợp đồng vay có chứng nhận tại Văn phòng công chứng Đặng Thùy Dương.

Đã quá thời hạn trả tiền, vợ chồng ông Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Thị V vẫn không trả lãi và gốc. Do đó, bà Phan Dạ T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Đức A và bà Nguyễn Thị V phải tiền gốc 3.500.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật (lãi trong hạn là 1,6%/tháng, lãi quá hạn 1,6%/tháng x 150%).

- Tại Bản tự khai ngày 25/8/2022 và các Biên bản hòa giải ngày 31/8/2022, ngày 09/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức A trình bày: Ngày 06/12/2021, vợ chồng ông bà có vay của bà Phan Dạ T số tiền 3.500.000.000 đồng. Tuy nhiên chỉ nhận số tiền 3.290.000.000 đồng, số tiền không nhận là tiền lãi của 01 tháng. Lãi suất 01 ngày là 7.000.000 đồng. Lãi suất: 1.000.000.000 đồng là 50.000.000 đồng/1 tháng, tức: 5%/tháng. Tiền lãi đưa bằng tay, không có chứng cứ chứng minh tiền lãi đã trả. Hợp đồng vay tiền có công chứng, chỉ có bà Thảo giữ, vợ chồng ông bà không có.

Ngày 21/4/2022, bà Vũ trả tiền gốc và lãi là 2.478.312.000 đồng.

Ngày 21/6/2022, bà Vũ trả tiền gốc là 223.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 2.701.312.000 đồng, còn nợ: 798.688.000 đồng.

Khi trả tiền, bà Thảo có ghi cho bà Vũ tờ giấy số tiền trả, không có chữ ký của bà Thảo. Tuy nhiên đây là chữ viết của bà Thảo.

Vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả số tiền 798.688.000 đồng và tính lại lãi suất đã trả.

Sau khi, Tòa án nhân dân thị xã La Gi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 44/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2022, bà Vũ cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/9/2022, bà Vũ thay đổi lời khai, bà Vũ cho rằng:

- Đối với số tiền gốc mà bà nhận được là 3.000.000.000 đồng; còn 500.000.000 đồng không nhận là tiền lãi mà bà Thảo khấu trừ.

- Tiền lãi trả cho bà Thảo: Ngày 17/12/2021, trả lãi: 280.500.000 đồng; ngày 21/12/2021, trả lãi: 31.200.000 đồng; ngày 27/12/2021, trả lãi: 26.000.000 đồng; ngày 05/01/2022, trả lãi: 36.400.000 đồng.

- Ngày 21/4/2022, bà Vũ trả tiền gốc và lãi là 2.478.312.000 đồng.

- Ngày 21/6/2022, bà Vũ trả tiền gốc là 223.000.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi mà bà Vũ trả cho bà Thảo là 3.575.412.000 đồng. Bà Vũ đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định cộng tiền gốc, nếu còn thiếu thì bà sẽ trả cho bà Thảo.

Ngày 10/10/2022, bà Vũ lại thay đổi lời khai, bà Vũ cho rằng số tiền lãi mà bà đã chuyển cho bà Thảo là: 615.700.000 đồng qua tài khoản, đưa tiền mặt 02 lần là 2.701.312.000 đồng, tổng cộng: 3.317.012.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị V, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận việc bà Nguyễn Thị V có trả số tiền 2.701.312.000 đồng tiền gốc. Tiền lãi tính theo lãi suất 10%/năm, cộng vào số tiền gốc, sau đó khấu trừ số tiền gốc và lãi bà Vũ đã trả, còn số tiền bao nhiêu thì bị đơn sẽ hoàn trả cho nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Dạ T. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Dạ T số tiền 4.398.800.000 (*bốn tỷ ba trăm chín mươi tám triệu tám trăm nghìn*) đồng Trong đó: Tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi 898.800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều

468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị V và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức A là ông Phạm Viết D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Vũ và ông Dũng (Người đại diện theo ủy quyền của ông Ánh) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Công nhận bị đơn đã trả được 2.701.312.000 đồng nợ gốc và 615.000.000 đồng tiền lãi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy việc bị đơn kháng cáo cho rằng đã trả được 2.701.312.000 đồng tiền gốc nhưng tài liệu bị đơn đưa ra không chứng minh được việc đã trả nợ nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn 615.700.000 đồng. Xét thấy có căn cứ chứng minh 200 triệu chuyển khoản vào ngày 19/01/2022 là chuyển trả tiền hội, số tiền còn lại không chứng minh được nên cần xác định số tiền này là chuyển trả tiền lãi của số tiền vay. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy bà Nguyễn Thị V và ông Phạm Viết D có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm;

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt bà Hà Linh nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền giữa bên cho vay là bà Phan Dạ T và bên vay là vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đức A, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đặng Thùy Dương ngày 06/12/2021 thì số tiền thỏa thuận vay giữa 02 bên là 3.5 tỷ đồng; Căn cứ vào tài khoản giao dịch chuyển khoản giữa bà Phan Dạ T và bà Nguyễn Thị V vào ngày 06/12/2021 thì bà Thảo đã chuyển cho bà Vũ 08 lần với tổng số tiền 3 tỷ đồng; căn cứ vào Biên bản giao nhận tiền vay ngày 06/12/2021 thì vợ chồng bà Vũ đã ký xác nhận với nội dung “đã nhận đủ tiền rồi 3 tỷ 500 triệu đồng”. Bà Thảo cho rằng, ngoài chuyển khoản 3 tỷ đồng thì bà đã đưa tiền mặt cho bà Vũ 500 triệu đồng. Còn bà Vũ đưa ra nhiều lời khai, trong đó có lúc khai chỉ nhận 3.000.000.000 đồng tiền vay, có lúc khai chỉ nhận 3.290.000.000 đồng tiền vay, số tiền còn lại bà không nhận là tiền lãi do bà Thảo thu trước nhưng bà Vũ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó, vợ chồng bà đã ký nhận “Đã nhận đủ 3,5 tỷ đồng vào ngày 06/12/2021”. Như vậy, có căn cứ xác định, vợ chồng bà Vũ, ông Ánh đã nhận đủ 3,5 tỷ đồng tiền vay từ bà Thảo.

Bị đơn (bà Vũ, ông ánh) cho rằng quá trình vay số tiền 3.500.000.000 đồng nêu trên thì bà Vũ đã trả được 2.701.312.000 đồng tiền gốc, trong đó: ngày 21/4/2022, trả 2.478.312.000 đồng và ngày 21/6/2022, trả được 223.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày trên, bà Vũ cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy kê ô ly không còn nguyên vẹn như 01 tờ giấy ô ly bình thường mà tờ giấy ô ly trên được xé ra từ 01 tờ giấy ô ly kích cỡ lớn. Nội dung thể hiện trên tờ giấy ô ly chỉ là những con số không rõ về mặt số học. Bà Vũ cho rằng, nội dung tờ giấy này là khi bà trả nợ cho bà Thảo thì bà Thảo viết đưa cho bà làm tin. Trong khi đó, phía nguyên đơn tuy thừa nhận chữ viết là của bà Thảo nhưng không rõ viết nội dung gì, không có chữ ký của bà Thảo nên không đồng ý theo lời khai của bị đơn về việc trả nợ. Vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy rằng, việc bị đơn cho rằng mình đã trả được 2.701.312.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với các chứng từ mà bà Vũ chuyển khoản cho bà Thảo, cụ thể:

Ngày 09/12/2021 số tiền 15.600.000 đồng; Ngày 14/12/2021 số tiền 26.000.000 đồng; Ngày 17/12/2021 số tiền 280.500.000 đồng; Ngày 21/12/2021 số

tiền 31.200.000 đồng; Ngày 27/12/2021 số tiền 26.000.000 đồng; Ngày 05/01/2022 số tiền 36.400.000 đồng Ngày 19/01/2022 số tiền 200.000.000 đồng. Tổng số tiền đã chuyển khoản là 615.700.000 đồng.

Các chứng từ chuyển khoản trên, bà Vũ cho rằng đó là số tiền lãi của số tiền 3,5 tỷ đồng vay vào ngày 06/12/2021 mà bà Vũ đã trả cho bà Thảo. Còn phía nguyên đơn không thừa nhận số tiền trên là chuyển trả tiền lãi mà cho rằng số tiền trên là bị đơn chuyển trả tiền hui, bởi bà Vũ có tham gia 08 chân hui do bà Thảo làm chủ, trong đó mỗi chân hui đều là 50 triệu đồng. Nội dung này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: phía nguyên đơn chỉ cung cấp tin nhắn sao chụp từ mạng Zalo thể hiện “Ngày 19/01/2022, bà Vũ chuyển cho bà Thảo 200.000.000 đồng là chuyển trả tiền huê (hui), còn các giao dịch chuyển khoản khác không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là trả tiền huê (hui). Sau khi thụ lý phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã tạm ngừng phiên tòa để triệu tập nguyên đơn, cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để làm rõ các khoản tiền này nhưng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy việc nguyên đơn cho rằng các khoản tiền chuyển khoản nêu trên là chuyển trả tiền hui nhưng chỉ chứng minh được 200.000.000 đồng chuyển khoản vào ngày 19/01/2022. Do đó đối với số tiền chuyển khoản còn lại (415.700.000 đồng) không chứng minh được, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định là bị đơn chuyển trả tiền lãi của số tiền vay 3.5 tỷ đồng là phù hợp và có căn cứ pháp luật. Bởi nghĩa vụ chứng minh trả tiền hui thuộc về nguyên đơn nhưng nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Đồng thời, nguyên đơn không chấp hành theo triệu tập của Tòa án cấp phúc thẩm để làm rõ số tiền này.

Xét thấy, hợp đồng vay tiền ngày 06/12/2021 thể hiện, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 06/12/2021 đến hết ngày 06/01/2022, lãi suất 1,6%/tháng. Bà Thảo khởi kiện cho rằng lãi suất thỏa thuận là 1,6%/tháng, còn bà Vũ cho rằng thực tế tiền lãi trả theo ngày, cứ 01 tỷ đồng thì mỗi ngày trả 2.000.000 đồng tiền lãi, quy đổi thành 5%/tháng nhưng không chứng minh được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng vay để tính tiền lãi là có căn cứ.

Tiền lãi trong hạn (Từ 06/12/2021 – 06/01/2022) là: 3.5 tỷ đồng x 1,6% = 56.000.000 đồng. Số tiền 415.700.000 đồng mà bà Vũ đã chuyển khoản sẽ được trừ vào tiền lãi trong hạn và tiếp tục được trừ vào tiền lãi quá hạn cho đến khi hết.

Lãi suất quá hạn: 1,6%/tháng x 150% = 2,4%/tháng. Từ ngày 07/01/2022 đến ngày 08/11/2022 là 10 tháng 01 ngày, tiền lãi được tính như sau: 3.5 tỷ đồng x 2,4%/tháng x 10 tháng 01 ngày = 842.800.000 đồng.

Như vậy tính đến ngày 08/11/2022, bà Vũ và ông Ánh còn nợ tiền lãi của bà Thảo là: (842.800.000 đồng + 56.000.000 đồng) - 415.700.000 đồng = 483.100.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm về nội dung này. Đồng thời, đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất nhưng bản án tuyên “Kể từ ngày

bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án ... là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử sẽ điều chỉnh lại cho đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn cũng như luật sư bảo vệ cho bị đơn cho rằng: Tại thời điểm ngày 06/12/2021, hai bên xác lập giao dịch vay 3.5 tỷ đồng thì cũng đồng thời 02 bên ký kết 04 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thực tế thì 04 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là để bên vay (bị đơn) đảm bảo khoản tiền vay 3.5 tỷ đồng đối với bên cho vay. Do đó, phía bị đơn cho rằng các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất là giả tạo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét. Vấn đề này Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Nội dung mà phía bị đơn trình bày là nội dung phát sinh mới so với nội dung mà Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết. Tại giai đoạn sơ thẩm, do phía bị đơn không có yêu cầu phản tố nên tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định. Đồng thời Tòa án cấp phúc thẩm cũng không có căn cứ để xem xét nội dung này. Tuy nhiên, nếu phía bị đơn có tranh chấp về 04 hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được xác lập vào ngày 06/12/2021 thì bị đơn có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định nêu trên.

[3] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận;

Do kháng được chấp nhận nên bị đơn bà Vũ và ông Ánh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đức A. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Dạ T. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Đức A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Dạ T số tiền

3.983.100.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi 483.100.000 đồng.

Kể từ ngày 09/11/2022, bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đức A còn phải tiếp tục chịu tiền lãi với mức lãi suất quá hạn 2,4%/tháng trên số tiền nợ gốc 3.5 tỷ đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Phan Dạ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Thảo số tiền 56.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0012802 ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đức A phải chịu 111.662.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đức A không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ 300.000 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012924 ngày 10/11/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho ông Ánh 300.000 đồng, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012964 ngày 23/11/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TX. La Gi;
- Chi Cục THADS TX. La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Phước Hiệu